

Bản án số: 13/2022/HS-ST

Ngày: 21 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Dương Văn Nguyên - Phó chủ tịch Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bà: Hoàng Thị Kim Liên - Hiệu trưởng trường tiểu học xã Xuân Phương, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đàm Hoàng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS, ngày 18/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 10/02/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGHIÊM MINH H**, sinh ngày 05/8/2003; tên gọi khác: không. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 7, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nghiêm Văn H (Đã chết) và bà Dương Thị H. Chưa có vợ con. Gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/9/2017 bị Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời hạn là 06 tháng. Ngày 17/10/2017 bị Công an xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức cảnh cáo. Ngày 14/11/2017 bị Công an thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức cảnh cáo. Ngày

17/11/2017 bị Công an thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức cảnh cáo.

Ngày 13/4/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa trường giáo dưỡng với thời gian là 24 tháng. H chấp hành xong quyết định vào ngày 16/4/2020.

Ngày 10/12/2021 bị cáo bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với H về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:*

1. Chị Dương Thị X, sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Anh Dương Văn N, sinh năm 1971.

Trú tại: Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm Y, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2003.

Trú tại: Xóm L, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1954.

Trú tại: Tổ 1, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

5. Anh Lưu Quang H, sinh năm 1979.

Trú tại: Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

6. Anh Dương Văn C, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nghiêm Minh H là người thường hay sống lang thang ở khu công nghiệp Đ, huyện P với mục đích xem có nhà dân nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khoảng 3 giờ sáng ngày 03/10/2021 H một mình đi đến cửa hàng tạp hóa nhà chị Dương Thị X, sinh năm 1973, trú tại Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên phát hiện thấy cửa ban công tầng hai nhà chị X không đóng nên H đã trèo qua cột kim loại trống mái tôn để lên tầng hai mở cửa đi vào bên trong phòng sau đó H đi theo cầu thang xuống tầng một vào khu vực bán hàng tạp hóa của gia đình chị X để lục tìm tài sản trộm cắp nhưng không tìm được thứ gì, H quay lên phòng để đồ trên tầng hai ngủ đến gần sáng thì H trèo lên tum chống nống tầng 3 của gia đình chị X nằm đợi thời cơ để lục tìm tài sản. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày H thấy gia đình chị X đang ăn cơm ở dưới nhà nên liền lén lút đi vào phòng ngủ của chị X thấy có 01 chiếc túi xách màu đen đặt trên đỉnh kết sắt. H mở túi ra thấy bên trong có 01 chiếc ví màu xanh rêu, bên trong ví có nhiều tiền, H liền cầm ví đi lên tum tầng 3 bỏ tiền ra đếm được 11.000.000 đồng gồm nhiều mệnh giá tiền khác nhau. Ngoài ra còn có một số giấy tờ tùy thân của chị X như Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân và một số giấy tờ khác, H để lại 01 chiếc ví bị rách của H cùng các giấy tờ của chị X ở trên tum sau đó lấy chiếc ví của chị X cùng số tiền trộm cắp được trèo qua phía sau nhà ra ngoài. Lấy được tài sản H vào nhà nghỉ Sông Quê tắm giặt rồi nhờ chị Nguyễn Thị T là chủ nhà nghỉ nhờ gọi xe Taxi hộ, chị Tâm đã gọi cho anh Lưu Quang H đến đón H. Sau đó H thanh toán tiền nhà nghỉ hết 110.000 đồng rồi ra cổng đợi xe, trong khi đợi xe ở cổng nhà nghỉ, H cất tiền vào túi quần rồi vứt chiếc ví xuống kênh nước trước cửa nhà nghỉ Sông Quê. Khi xe Taxi đến H chỉ đường cho anh Hân chở H về nhà Nguyễn Văn Q rồi trả tiền Taxi hết 100.000 đồng. Khi đến nhà Quân, H nhờ Quân đèo ra quán điện tử “Bắc Bự” chủ quán là anh Nguyễn Văn B, trú tại Xóm Y, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên chơi game hết 100.000 và mua thẻ điện thoại của ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1954, trú tại tổ dân phố 1, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên, nạp vào tài khoản Game hết 300.000 đồng, chi tiêu ăn uống hết 45.000 đồng và nhờ bạn trong quán Game chuyển khoản vào tài khoản Game số tiền 7.000.000 đồng còn lại số tiền 3.345.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ ngày 04/10/2021, H biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình nên đã đến Công an huyện P xin đầu thú và giao nộp lại số tiền 3.345.000 đồng; 01 quần bò có nhiều vết rách ở đùi và đầu gối màu đen; 01 áo phông màu đen có in nhiều họa tiết phía trước, cũ đã qua sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản ngày 04/10/2021, chị Dương Thị X làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc gia đình chị bị mất trộm tài sản và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản số 105, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện P định giá 01 chiếc ví giả da màu xanh rêu loại kéo khóa, có kích thước 20 x 12cm đã qua sử dụng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 104 ngày 02/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận giá trị chiếc ví trên là 40.000 đồng.

Quá trình điều tra H còn tự khai nhận ngoài lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên thì trước đó H còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khác vào ngày 10/11/2020, cũng tại nhà chị Dương Thị X cụ thể như sau:

Khoảng 3 giờ sáng ngày 10/11/2020 H một mình đi từ phòng trọ của bạn gái mới quen tên là Đào (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở trọ tại Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ra đường để xem có nhà dân nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khi H đi đến cửa hàng tạp hóa nhà chị Dương Thị X thì nhìn thấy phía trên cửa cuốn có một lỗ trống rộng khoảng 40cm, H đi vào hành lang tầng 1 lấy 01 thanh gỗ dài khoảng 1m sau đó kê vào góc cửa cuốn rồi bám tay vào rìa cửa, chân đạp vào thanh gỗ chèo lên ô thoáng chui vào trong nhà. Khi vào trong, H tìm tài sản để lấy trộm thì phát hiện có 01 chiếc hòm tôn không khóa để ở cầu thang tầng 1, H bê hòm xuống nền nhà mở nắp ra thì thấy trong hòm có nhiều tiền và thẻ điện thoại chưa sử dụng và 01 túi xách giả da bên trong có nhiều giấy tờ. H lấy hết tiền trong hòm, thẻ điện thoại và túi xách sau đó chèo qua lối vào ra ngoài. H về phòng trọ của Đào thì Đào không có ở phòng, H bỏ số tiền vừa lấy được ra đếm thấy có 37.700.000 đồng gồm nhiều mệnh giá từ 1.000 đồng đến 500.000 đồng, các thẻ điện thoại di động Vinaphone, Viettel, Mobiphone, chưa qua sử dụng gồm nhiều mệnh giá khác nhau có tổng giá trị là 1.300.000 đồng; 01 túi xách giả da bên trong có nhiều giấy tờ tùy thân của chị Dương Thị X và Dương Văn N. Đến khoảng 5 giờ cùng ngày, sau khi kiểm tra xong, H cất hết tiền và thẻ điện thoại vào túi quần còn túi xách đựng giấy tờ tùy thân, H đem vứt xuống kênh gần nhà nghỉ Sông Quê thuộc Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên rồi bắt xe khách lên thành phố Lạng Sơn chơi và tiêu hết số tiền mà H đã trộm cắp được, còn số thẻ điện thoại H nạp vào tài khoản Game để chơi hết.

Ngày 23/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản số 117, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện P định giá 01 chiếc túi xách giả da, màu đen có hai quai kích thước 20 x 30cm đã qua sử dụng. Tại bản kết luận giám định số 105 ngày 02/12/2021 của Hội đồng Định

giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận chiếc túi xách giả da có giá trị là 332.500 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự: Đối với hành vi xảy ra ngày 03/10/2021, chị X, anh N yêu cầu H phải bồi thường tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Đối với hành vi xảy ra ngày 10/11/2020 chị X, anh N yêu cầu H phải bồi thường tổng số tiền và giá trị các thẻ cào điện thoại là 55.000.000 đồng, quá trình điều tra chị X, anh N không chứng minh được tổng số tiền bị mất. Qua các tài liệu, chứng cứ điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo H xác định số tiền vợ chồng chị X bị mất và giá trị các thẻ cào điện thoại ngày 10/11/2020 là 39.000.000 đồng.

Đối với giá trị chiếc túi xách giả da màu đen và chiếc ví màu xanh rêu cũng như số giấy tờ tùy thân của Dương Thị X gồm thẻ khám chữa bệnh, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe không thu hồi được chị X không yêu cầu bồi thường gì.

Đối với 01 đăng ký xe mô tô; 01 giấy bảo hiểm xe mô tô mang tên Dương Văn N. Quá trình điều tra không thu hồi được anh N không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại phiên tòa bị cáo Nghiêm Minh H khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKSPB, ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nghiêm Minh H về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nghiêm Minh H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nghiêm Minh H từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị X và anh N tổng số tiền là 50.000.000 đồng được trừ đi số tiền đã thu giữ của bị cáo là 3.345.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị X, anh N số tiền là 46.655.000 đồng. Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm 01 quần bò màu đen, 01 áo phông màu đen có in nhiều hình họa tiết của bị cáo và 01 ví da màu nâu đã bị cũ bị xé rách và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với chính lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2020 đến ngày 03/10/2021 Nghiêm Minh H là người không có nghề nghiệp, sống lang thang đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại nhà chị Dương Thị X, trú tại Xóm T2, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cụ thể: Vào ngày 10/11/2020 H trộm cắp được số tiền và giá trị các thẻ cào điện thoại là 39.000.000 đồng và một chiếc túi xách giả da màu đen có giá trị 332.500 đồng. Vào ngày 03/10/2021, H trộm cắp được số tiền là 11.000.000 đồng và một chiếc ví giả da màu xanh rêu có giá trị là 40.000 đồng. Quá trình điều tra đã thu hồi được số tiền 3.345.000 đồng, số tiền còn lại không thu hồi được. Chị X, anh N cho rằng vào ngày 10/11/2020 bị cáo đã chiếm đoạt của anh chị số tiền và giá trị các thẻ cào điện thoại là khoảng 55.000.000 đồng, nhưng chị X, anh N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định tổng giá trị tài sản mà Nghiêm Minh H đã chiếm đoạt của vợ chồng chị X là 50.372.500 đồng. Chị X, anh N yêu cầu H phải bồi thường số tiền bị mất. Hiện H chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Hành vi của bị cáo Nghiêm Minh H nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đối với hành vi phạm tội ngày 10/11/2020 bị cáo đã tự thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình trước cơ quan điều tra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra đối với hành vi phạm tội ngày 03/10/2021 bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tính tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 10/12/2021 bị cáo bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 13/4/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời gian là 24 tháng. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ nhân thân cũng như tính chất, mức độ vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 10/11/2020, bị cáo Nghiêm Minh H mới 17 năm 03 tháng 05 ngày tuổi, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý chưa hoàn thiện, do đó khả năng nhận thức về xã hội nói chung, pháp luật nói riêng còn có phần hạn chế. Do đó, bị cáo được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định tại các Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xác minh lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 03/10/2021 bị cáo H chiếm đoạt số tiền của chị X, anh N là 11.000.000 đồng và 01 chiếc ví giả da màu xanh rêu có giá trị là 40.000 đồng. Tại phiên tòa chị X, anh N chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh chị số tiền đã chiếm đoạt là 11.000.000 đồng.

Ngày 10/11/2020 bị cáo H đã chiếm đoạt số tiền của chị X, anh N là 37.700.000 đồng, giá trị của các thẻ cào điện thoại là 1.300.000 đồng và 01 chiếc túi xách giả da có quai, màu đen có giá trị là 332.500 đồng. Tại phiên tòa chị X, anh N cho rằng bị cáo chiếm đoạt của anh chị số tiền và giá trị các thẻ cào điện thoại là khoảng 55.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh chị tổng số tiền là 55.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc túi xách giả da màu đen. Tuy nhiên, đối với số tiền chị X, anh N cho rằng bị cáo đã chiếm đoạt của mình là 55.000.000 đồng, chị X, anh N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, do đó, không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường cho chị X, anh N theo quy định pháp luật. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho chị X, anh N tổng số tiền đã chiếm đoạt ngày 10/11/2020 là 39.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền cho chị X, anh N là 50.000.000 đồng, được trừ đi số tiền đã thu hồi được từ bị cáo là 3.345.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 46.655.000 đồng.

Đối với giá trị chiếc ví giả da màu xanh rêu và giá trị chiếc túi xách giả da màu đen của chị X và các giấy tờ tùy thân gồm 01 thẻ khám chữa bệnh, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Dương Thị X và 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy bảo hiểm xe mô tô đều mang tên Dương Văn N. Tại phiên tòa chị X, anh N đều không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

Đối với vật chứng là 01 (một) hộp catton được niêm phong còn nguyên vẹn dán kín có dấu đỏ ký hiệu Q ngoài hộp có ghi 01 quần bò màu đen, có nhiều vết rách ở đùi và đầu gối đã qua sử dụng, 01 áo phông màu đen có in nhiều hình họa tiết động vật ở phía trước, áo cũ đã qua sử dụng và 01 (một) túi niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu PS2 mã số PS2 2017135 bên ngoài có ghi 01 ví da màu nâu đã bị xé rách cũ đã qua sử dụng và 01 (một) túi

niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu NS3, mã số: NS3A 110847, bên ngoài có ghi vỏ bao thuốc lá “Thăng Long” là những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự, án phí là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị T là chủ nhà nghỉ Sông Quê do không biết H sử dụng tiền trộm cắp được để thanh toán tiền phòng, anh Lưu Quang H là lái xe Taixi do không biết H sử dụng tiền trộm cắp tài sản để thanh toán tiền xe, anh Nguyễn Bá C là người bán thẻ điện thoại cho H do không biết H sử dụng tiền trộm cắp được để thanh toán, anh Nguyễn Văn B là chủ quán Game do không biết nguồn gốc số tiền mà H thanh toán là tiền do H trộm cắp được nên không có căn cứ xử lý đối với chị Tâm, anh Hân, anh Cường, anh H, anh Bắc. Đối với người chuyển khoản cho H nạp thẻ Game do H không biết lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

[9] Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam Nghiêm Minh H với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định để sung quỹ Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; các bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các Điều 584, 585, 586, 589, 357, 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nghiêm Minh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nghiêm Minh H **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2021.

3. Quyết định tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Ra Quyết định tạm giam bị cáo Nghiêm Minh H với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nghiêm Minh H có trách nhiệm bồi thường cho chị Dương Thị X và anh Dương Văn N tổng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) được trừ đi số tiền đã thu giữ của bị cáo là 3.345.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo ủy nhiệm chi số 21 ngày 15/02/2022 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện P và đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Bị cáo còn phải bồi thường cho chị X, anh N tổng số tiền là 46.655.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H không tự nguyện thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) hộp catton được niêm phong còn nguyên vẹn dán kín có dấu đỏ ký hiệu Q ngoài hộp có ghi 01 quân bò màu đen, có nhiều vết rách ở đùi và đầu gối đã qua sử dụng, 01 áo phông màu đen có in nhiều hình họa tiết động vật ở phía trước, áo cũ đã qua sử dụng và 01 (một) túi niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu PS2 mã số PS2 2017135 bên ngoài có ghi 01 ví da màu nâu đã bị xé rách cũ đã qua sử dụng và 01 (một) túi niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ ký hiệu NS3, mã số: NS3A 110847, bên ngoài có ghi vỏ bao thuốc lá “Thăng Long”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/02/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nghiêm Minh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 2.332.750 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Nghiêm Minh H). Các bị hại (chị Dương Thị X, anh Dương Văn N). Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang